



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG CẦN THƠ  
CAN THO TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY

Địa chỉ: 45 đường 3/2, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ  
Add: No 45, 3/2 Street, Ninh Kieu Ward, Cantho City  
Email: catech@cantho.gov.vn

Tel: 0292.3830353  
Website: catech.vn



VILAS 086

Số: 1444/MT/0539/0326

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Ngày: 23/03/2026  
Trang: 1/3

- Tên mẫu và ký hiệu : Nước thải (Đầu ra HTXL nước thải)  
Tọa độ: 0590163/1104804
- Số lượng mẫu : 01 mẫu khoảng 5,2 lít (05 chai)
- Ngày nhận mẫu : 10/03/2026
- Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong chai nhựa và chai thủy tinh
- Ngày thử nghiệm : Từ 10/03/2026 đến 21/03/2026
- Nơi gửi mẫu / Yêu cầu : **CÔNG TY TNHH MTV THE FRUIT REPUBLIC**  
**B15-1, đường 1A, KCN Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ**
- Lưu mẫu : Không  Có  Đến ngày: .....
- Lấy mẫu, TN tại hiện trường : Xem biên bản quan trắc môi trường số 0539MT
  - Lấy mẫu theo: Hướng dẫn quan trắc 5.7
  - Vị trí lấy mẫu: theo chỉ định của khách hàng
  - Thời gian và địa điểm: 14h00 ngày 10/03/2026 tại Công ty TNHH MTV The Fruit Republic - B15-1, đường 1A, KCN Hưng Phú 1, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ.

9. Kết quả thử nghiệm :

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,31 (tại 29,1°C)
2	Độ màu	Pt-Co	HD 5.6 - QT - 47	KPH (MDL = 4,0)
3	Hàm lượng BOD <sub>5</sub> (ở 20°C)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	6
4	Hàm lượng COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	12
5	Hàm lượng chất rắn lơ lửng	mg/L	SMEWW 2540D:2023	12,00
6	Hàm lượng Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 0,70)
7	Hàm lượng tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	7,29
8	Hàm lượng Photpho tổng (tính theo P)	mg/L	SMEWW 4500-P.B&E:2023	0,09

Ghi chú: - Phòng thử nghiệm được Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ định theo Giấy chứng nhận số 38/GCN-BTNMT ngày 27 tháng 10 năm 2023 (Vimcerts 019); - KPH: không phát hiện; - MDL: giới hạn phát hiện; - <sup>(a)</sup> là giới hạn định lượng của phương pháp thử; - Xem tiếp trang 2/3; 3/3.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HÓA SINH

Phạm Văn Tú

GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Khánh Ngọc

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9	Hàm lượng tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL = 0,90)
10	Hàm lượng Sulfua (S <sup>2-</sup> )	mg/L	SMEWW 4500-S <sup>2-</sup> .B&D:2023	KPH (MDL = 0,02)
11	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	KPH (MDL = 0,30)
12	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,0002)
13	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,00041
14	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	US EPA Method 200.8	0,0016
15	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH (MDL = 0,00025)
16	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8 <sup>(a)</sup>

CATECH

- Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
- Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.
- Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ. This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## TEST REPORT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
17	Hóa chất BVTV Clo hữu cơ	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL = 0,03)
	Heptachlor	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Aldrin	µg/L		KPH (MDL = 0,006)
	Endrin	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Dieldrin	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Heptachlor epoxide	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	α-BHC	µg/L		KPH (MDL = 0,006)
	β-BHC	µg/L		KPH (MDL = 0,006)
	γ-BHC	µg/L		KPH (MDL = 0,006)
	δ-BHC	µg/L		KPH (MDL = 0,006)
	Cis-Chlordane	µg/L		KPH (MDL = 0,006)
	Trans-Chlordane	µg/L		KPH (MDL = 0,006)
	p,p' - DDD	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	p,p' - DDE	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	p,p' - DDT	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Endosulfan I	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Endosulfan II	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Endosulfan-sulfate	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Endrin aldehyde	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Endrin keton	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
Methoxychlor	µg/L	KPH (MDL = 0,03)		
18	Hóa chất BVTV Photpho hữu cơ	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL = 0,03)
	Chlorpyrifos	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Chlorpyrifos - Methyl	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Diazinon	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Dimethoate	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Disulfoton	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Methyl parathion	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Parathion	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Famphur	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Fenamiphos	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Phorate	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Tetraethyl Dithiopyrophosphate	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	O,O,O-Triethylthiophosphate	µg/L		KPH (MDL = 0,03)
	Zinophos	µg/L		KPH (MDL = 0,03)

1. Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến. 2. Tên mẫu, thông tin mẫu và nơi gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only. Sample name, sample information and where to send sample reported as the client's request.*
3. Không được trích, sao một phần phiếu kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung Tâm Kỹ Thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ.  
*This Test Report shall not be reproduced except in full, without the written approval of CATECH.*